

Số: 02/2023/QĐST-DS

UB, ngày 20 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10/02/2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 52/2022/TLST-DS ngày 29/11/2022,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Vũ Thị C1, sinh năm 1940; nơi cư trú: Tổ 39, Khu 11, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Châu D, sinh năm 1945; nơi cư trú: Tổ 4, khu LP, phường PĐ, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1987; nơi đăng ký HKTT: Tổ 7, Khu 1, phường TV, thành phố UB; nơi cư trú: Tổ 39, Khu 11, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về di sản thừa kế: người để lại di sản là anh Đoàn Quang H, sinh năm 1968, thẻ căn cước công dân số: 022068011196 do Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 01/9/2021, C1t ngày 14/11/2021.

- Tài sản chung vợ chồng của chị Vũ Thị Thu H và anh Đoàn Quang H là thửa đất số: 45, tờ bản đồ số: 74; địa chỉ: Khu 11, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; có diện tích 241,5m² (trong đó gồm 87m² đất ở và 154,5m² đất trồng cây lâu năm) tài sản gắn liền với đất là 01 nhà cấp 4 lợp mái tôn, diện tích 50m²,

xây dựng năm 2020 và 01 nhà cấp bốn, diện tích $35,5\text{m}^2$, xây dựng năm 1986 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CV 203297, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00022 do Ủy ban nhân dân thành phố UB cấp ngày 11/01/2021, mang tên ông Đoàn Quang H và chị Vũ Thị Thu H.

- Tài sản của chị Vũ Thị Thu H được hưởng trong khối tài sản chung vợ chồng là diện tích $\frac{1}{2} * 241,5 = 120,75\text{m}^2$ đất (trong đó gồm $\frac{1}{2} * 87 = 43,5\text{m}^2$ đất ở + $\frac{1}{2} * 154,5 = 77,25\text{m}^2$ đất trồng CLN) + $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp 4 lợp mái tôn, diện tích 50m^2 , xây dựng năm 2020, trị giá 25.000.000 đồng + $\frac{1}{2}$ trị giá ngôi nhà cấp 4, diện tích $35,5\text{m}^2$, xây dựng năm 1986 đã hết khấu hao = giá 00đ (không đồng) và di sản thừa kế của anh Đoàn Quang H để lại là diện tích $120,75\text{m}^2$ đất (trong đó gồm $43,5\text{m}^2$ đất ở + $77,25\text{m}^2$ đất trồng CLN) + $\frac{1}{2}$ trị giá ngôi nhà cấp 4 lợp mái tôn, diện tích $50\text{m}^2 = 25.000.000$ đồng + $\frac{1}{2}$ trị giá ngôi nhà cấp 4, diện tích $35,5\text{m}^2$, xây dựng năm 1986 đã hết khấu hao = 00đ (không đồng).

- Bà Vũ Thị C1 được hưởng phần thừa kế của anh Đoàn Quang H để lại là quyền sở hữu 01 nhà cấp bốn diện tích $35,5\text{m}^2$, xây dựng năm 1986 và quyền sử dụng diện tích 60m^2 đất (gồm $35,5\text{m}^2$ đất ở và $24,5\text{m}^2$ đất trồng CLN), giới hạn từ điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1 theo sơ đồ thỏa thuận chia tách đất do Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố UB lập và kèm theo biên bản này.

- Chị Vũ Thị Thu H được hưởng phần thừa kế của anh Đoàn Quang H để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu 01 nhà cấp 4, diện tích 50m^2 , xây dựng năm 2020 và quyền sử dụng diện tích $60,75\text{m}^2$ (trong đó gồm 8m^2 đất ở và $52,75\text{m}^2$ đất trồng CLN).

Chị Vũ Thị Thu H được hưởng phần tài sản trong khối tài sản chung vợ chồng và phần thừa kế do anh H để lại là quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4, lợp mái tôn, diện tích 50m^2 , xây dựng năm 2020 và quyền sử dụng tổng diện tích $120,75 + 60,75 = 181,5\text{m}^2$ đất (gồm $8 + 43,5 = 51,5\text{m}^2$ đất ở và $75,25 + 52,75 = 130\text{m}^2$ đất trồng CLN), giới hạn từ điểm 5, 6, 7, 8, 9, 10, 5 theo sơ đồ thỏa thuận chia tách đất do Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố UB lập và kèm theo biên bản này.

Bà Vũ Thị C1 và chị Vũ Thị Thu H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật.

(Thửa đất trên có sơ đồ hiện trạng chi tiết và sơ đồ thỏa thuận chia tách đất là bộ phận không tách rời của Quyết định này).

2.2. Về án phí: nguyên đơn bà Vũ Thị C1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn chị Vũ Thị Thu H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là $50\% * 5\% * (8 * 1.200.000\text{đ} + 52,75 * 55.000\text{đ} + 25.000.000\text{đ}) = 935.000\text{đ}$ (chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng) vào ngân sách nhà nước.

2.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng. Nguyên đơn đã tự nguyện nộp toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và nguyên đơn đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng C1 thi hành án theo Điều 6, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố UB (02 bản);
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thành phố UB;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Kim Văn Sơn